HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:45 /2025/NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày* 10 *tháng 12 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung và mức chi công tác bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ cho các đối tượng thuộc diện bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Xét Tờ trình số 313/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi công tác bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ cho các đối tượng thuộc diện bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi công tác bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ cho các đối tượng thuộc diện bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, định mức chi đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ cho các đối tượng thuộc diện bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cư trú trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng A

a) Đối tượng A1: Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ

tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố đương chức, nghỉ hưu.

b) Đối tượng A2: Uỷ viên Ban Thường vụ Thành uỷ, Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Phó trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố chuyên trách đương chức, nghỉ hưu.

c) Đối tượng A3: Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

2. Đối tượng B

a) Đối tượng B1: Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

b) Đối tượng B2: Cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hải Dương quản lý đã nghỉ hưu kể từ ngày 01/7/2025 trở về trước và cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy thành phố Hải Phòng (trước và sau khi hợp nhất) quản lý - gọi chung là cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý *(trừ đối tượng A2)*, Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang, giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học, Thầy thuốc nhân dân, Nhà giáo nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân đang công tác hoặc đã nghỉ hưu; cán bộ lãnh đạo từ cấp cục, vụ, viện và tương đương trở lên thuộc các cơ quan Trung ương đã nghỉ hưu.

3. Đối tượng C

a) Đối với phía Đông thành phố Hải Phòng (thành phố Hải Phòng cũ): Bí thư cấp ủy, giám đốc các doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị sự nghiệp đã được cấp sổ đăng ký khám và điều trị thuộc diện chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ cán bộ trước ngày 21/7/2014. Người có học vị tiến sĩ, thầy thuốc ưu tú, nhà giáo ưu tú, nghệ sĩ ưu tú, nghệ nhân ưu tú, cán bộ, công chức, viên chức đang công tác hoặc đã nghỉ hưu có hệ số lương từ 5,76 trở lên đối với nam, hệ số lương từ 5,42 trở lên đối với nữ trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực hoặc đã được cấp sổ đăng ký khám và điều trị thuộc diện chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ cán bộ trước ngày 21/7/2014.

b) Đối với phía Tây thành phố Hải Phòng (tỉnh Hải Dương cũ): Người có học vị tiến sĩ, thầy thuốc ưu tú, nhà giáo ưu tú, nghệ sĩ ưu tú, nghệ nhân ưu tú; cán bộ, công chức, viên chức có đủ mức lương thuộc diện bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ quy định qua các thời kì; cán bộ, công chức, viên chức đang công tác hoặc đã nghỉ hưu có hệ số lương từ 5,76 trở lên đối với nam, hệ số lương từ 5,42 trở lên đối với nữ trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

4. Đối tượng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ cán bộ

Cán bộ y tế tham gia đưa, đón cán bộ diện A1, A2 đi kiểm tra, khám, chữa bệnh; bác sĩ, điều dưỡng thăm khám tại nhà, tại cơ quan cho cán bộ diện A1, A2;

chuyên gia, bác sĩ đầu ngành ở các chuyên khoa tham gia Hội chẩn chuyên môn sâu cho các đối tượng quy định tại khoản 1,2,3 Điều này.

5. Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện chính sách của nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc thực hiện chế độ, chính sách bảo đảm công khai, minh bạch, kịp thời, đúng đối tượng và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trường hợp cán bộ đảm nhiệm nhiều chức vụ hoặc thuộc nhiều đối tượng hưởng chính sách tại Nghị quyết này thì áp dụng theo chức danh cao nhất và mức hưởng cao nhất.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu thực hiện trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ ĐỊNH MỨC CHI CỤ THỂ

Điều 4. Chế độ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe đối với đối tượng A

1. Khám, kiểm tra sức khỏe toàn diện định kỳ:

a) 06 tháng/01 lần đối với đối tượng A1, A2; 01 năm/01 lần đối với đối tượng A3.

b) Mức kinh phí cho khám, kiểm tra sức khỏe toàn diện định kỳ: 3.500.000 đồng/người/lần.

c) Trường hợp có bệnh lý thực hiện khám, kiểm tra sức khỏe theo chỉ định của Hội đồng chuyên môn bảo vệ sức khỏe cán bộ.

2. Khám, điều trị ngoại trú và nội trú tại bệnh viện: Ngân sách thành phố hỗ trợ 100% kinh phí khám, điều trị ngoại trú và nội trú tại bệnh viện theo chỉ định cần thiết của bệnh viện ngoài mức chi trả của Bảo hiểm Y tế.

3. Nghỉ điều dưỡng:

a) 01 năm/01 lần, thời gian nghỉ dưỡng cho 01 lần là 10 ngày tại các cơ sở điều dưỡng tập trung tại thành phố hoặc điều dưỡng tại nhà.

b) Mức kinh phí: 8.500.000 đồng/người/lần.

4. Thăm khám, theo dõi sức khỏe tại nhà hoặc cơ quan đối với đối tượng A1, A2:

a) Các đối tượng được phân loại sức khỏe loại A, B: Bác sĩ theo dõi thăm khám sức khỏe ít nhất 01 lần/tháng và khi có yêu cầu đột xuất.

b) Các đối tượng được phân loại sức khỏe loại C, D: Bác sĩ theo dõi thăm khám sức khỏe ít nhất 02 lần/tháng và khi có yêu cầu đột xuất.

c) Trường hợp bệnh nặng, diễn biến phức tạp tùy theo tình hình thực tế, bác sĩ theo dõi thăm khám sức khỏe hằng ngày hoặc hằng tuần hoặc theo chỉ định của Hội đồng Chuyên môn bảo vệ sức khỏe cán bộ.

5. Hỗ trợ kinh phí khám, chữa bệnh ở nước ngoài đối với đối tượng A1, A2:

a) Trường hợp cán bộ có bệnh đi khám, kiểm tra sức khỏe tại nước ngoài phải có chỉ định của Hội đồng chuyên môn bảo vệ sức khỏe cán bộ và được sự đồng ý của Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy cho cán bộ đi khám, kiểm tra sức khỏe tại nước ngoài và thực hiện quy trình giải quyết thủ tục cán bộ đi nước ngoài theo quy định.

b) Mức hỗ trợ kinh phí cho đối tượng A1, A2 đi khám, chữa bệnh ở nước ngoài không quá 500.000.000 đồng/người/năm.

6. Khám, kiểm tra sức khỏe trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và giới thiệu ứng cử đối với đối tượng A1, A2:

a) Khám, kiểm tra sức khỏe toàn diện và kết luận phân loại sức khỏe cán bộ trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và giới thiệu ứng cử.

b) Mức kinh phí: 3.500.000 đồng/người/lần.

Điều 5. Chế độ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe đối với đối tượng B

1. Khám, kiểm tra sức khỏe toàn diện định kỳ:

a) 01 năm/01 lần đối với đối tượng B.

b) Mức kinh phí cho khám, kiểm tra sức khỏe toàn diện định kỳ: 1.600.000 đồng/người/lần.

c) Trường hợp có bệnh lý thực hiện khám, kiểm tra sức khỏe theo chỉ định của Hội đồng Chuyên môn bảo vệ sức khỏe cán bộ thành phố.

2. Khám, điều trị ngoại trú và nội trú tại bệnh viện:

a) Hỗ trợ 100% kinh phí khám, điều trị ngoại trú và nội trú tại bệnh viện theo chỉ định cần thiết của bệnh viện ngoài mức chi trả của Bảo hiểm y tế đối với đối tượng B1.

b) Hỗ trợ 50% kinh phí khám, điều trị ngoại trú và nội trú tại bệnh viện theo chỉ định cần thiết của bệnh viện ngoài mức chi trả của Bảo hiểm y tế đối với đối tượng B2.

3. Nghỉ điều dưỡng:

a) 01 năm/01 lần, thời gian nghỉ dưỡng cho 01 lần là 10 ngày tại các cơ sở điều dưỡng tập trung tại thành phố hoặc điều dưỡng tại nhà đối với đối tượng B1.

b) 02 năm/01 lần, thời gian nghỉ dưỡng cho 01 lần là 10 ngày tại các cơ sở điều dưỡng tập trung tại thành phố hoặc điều dưỡng tại nhà đối với đối tượng B2.

c) Mức kinh phí: 8.500.000 đồng/người/lần.

4. Khám, kiểm tra sức khỏe trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và giới thiệu ứng cử:

a) Khám, kiểm tra sức khỏe toàn diện và kết luận phân loại sức khỏe cán bộ trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và giới thiệu ứng cử.

b) Mức kinh phí: 1.600.000 đồng/người/lần.

Điều 6. Chế độ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe đối với đối tượng C

1. Khám, điều trị ngoại trú và điều trị nội trú tại bệnh viện: Hỗ trợ 25% kinh phí khám, điều trị ngoại trú và nội trú tại bệnh viện theo chỉ định cần thiết của bệnh viện ngoài mức chi trả của Bảo hiểm y tế.

2. Nghỉ điều dưỡng:

a) 03 năm/01 lần, thời gian nghỉ dưỡng cho 01 lần là 05 ngày tại các cơ sở điều dưỡng tập trung tại thành phố hoặc điều dưỡng tại nhà.

b) Mức kinh phí: 4.250.000 đồng/người/lần.

Điều 7. Chế độ hỗ trợ hoạt động khác

1. Hỗ trợ tiền ăn, đi lại cho cán bộ diện A1, A2 và cán bộ y tế tham gia đưa, đón cán bộ diện A1, A2 đi kiểm tra, khám, chữa bệnh theo chế độ công tác phí.

2. Hỗ trợ bác sĩ, điều dưỡng thăm khám tại nhà, tại cơ quan cho cán bộ diện A1, A2 là 200.000 đồng/người/lượt.

3. Bồi dưỡng mời chuyên gia, bác sĩ đầu ngành ở các chuyên khoa Hội chẩn chuyên môn sâu: tuyến Trung ương 1.000.000 đồng/người/lần; tuyến thành phố 500.000 đồng/người/lần.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành quy định một số nội dung và định mức chi cho các đối tượng thuộc diện bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI kỳ họp thứ 32 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:
- Ủy ban TVQH, Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Y tế, TP, TC;
- Cục KTVB và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn đại biểu Quốc hội HP;
- Uỷ ban MTTQVN TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH HP, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo & PTTH HP; Công báo TP; Cổng TTĐTTP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Văn Hiệu